

**DỰ TOÁN THU-CHI CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025-2026**

Tên nguồn thu	Nội dung thu	Tổng thu				Nội dung, tỉ lệ chi theo QCCTNB	Tổng chi
		Mức thu	Số học sinh	Thời gian thu	Tổng cộng		
Các khoản thu hoạt động dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 24/07/2025	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	300.000	1.235	8,5 tháng	3.149.250.000	2% đóng thuế TNDN	62.985.000
						Chi quản lý trực tiếp và gián tiếp 15% trên tổng thu	472.387.500
						Chi tiền giữ ngủ, coi ăn, dò bài bán trú hàng tháng	1.275.000.000
						Chi mua sắm vật tư phục vụ công tác bán trú (giấy vệ sinh, dung dịch khử khuẩn, thùng rác, chổi, kem đánh răng,...) và thiết bị phục vụ công tác vệ sinh cho học sinh bán trú của nhà trường.	397.800.000
						Chi hoạt động khác: lương hợp đồng, đóng BHXH, điện, nước, sửa chữa cơ sở vật chất, hoạt động giáo dục khác... Trong trường hợp sau khi trừ chi phí, nếu sử dụng không hết số thu, số còn lại trích 40% CCTL theo Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 và trích lập các quỹ theo quy định	941.077.500
	Tổng cộng				3.149.250.000		3.149.250.000
	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	26.000	1.511	1 năm	39.286.000	Công tác tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, nhập dữ liệu kết quả khám sức khỏe định kỳ của từng học sinh. Tiền công khám sức khỏe định kỳ cho học sinh đầu năm học	39.286.000
						Tổng cộng	
	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	26.000	1.511	8,5 tháng	333.931.000	2% đóng thuế TNDN	6.678.620
						Chi trả tiền điện sử dụng máy lạnh của các lớp học. Chi thuê công ty bảo trì, vệ sinh máy lạnh của các lớp học: ít nhất 2 lần/năm	327.252.380
Tổng cộng						333.931.000	333.931.000

Tên nguồn thu	Nội dung thu	Tổng thu				Nội dung, tỉ lệ chi theo QCCTNB	Tổng chi
		Mức thu	Số học sinh	Thời gian thu	Tổng cộng		
	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”: 3.600.000đ/tháng.	3.600.000	105	9 tháng	3.402.000.000	85% chi trả cho Công ty EMG	2.891.700.000
						còn 15% quy đổi ra 100% chi như sau	510.300.000
						2% nộp thuế theo quy định.	10.206.000
						15% chi quản lý	76.545.000
						83% chi trả lương HĐ và Chi hỗ trợ các hoạt động thường xuyên, sửa chữa trang thiết bị, thanh toán tiền điện, nước. Trong trường hợp sau khi trừ chi phí, nếu sử dụng không hết số thu, số còn lại trích 40% CCTL theo Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 và trích lập các quỹ theo quy định	423.549.000
				3.402.000.000		3.402.000.000	
Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường	Tiền tổ chức nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế	1.725.000	1.511	8,5 tháng	22.155.037.500	2% nộp thuế theo quy định.	443.100.750
						Chi thù lao giảng dạy, quản lý và tổ chức phục vụ trường tiên tiến hội nhập khu vực và quốc tế. + Hỗ trợ cán bộ, nhân viên tham gia công tác quản lý, giám sát, giáo dục học sinh. + Chi hỗ trợ giáo viên hoạt động giảng dạy đáp ứng tiêu chí kết quả giáo dục của trường tiên tiến. + Tổ chức dạy học tăng cường Tiếng Anh: 115.000 đồng/học sinh/tháng + Tổ chức học ngoại ngữ với giáo viên người nước ngoài: 220.000 đồng/học sinh/tháng. + Tổ chức dạy các bộ môn năng khiếu, môn tự chọn: môn bơi và phòng chống đuối nước 220.000 đồng / học sinh/ khóa học. + Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống: 80.000 đồng/học sinh/tháng. + Phần mềm hỗ trợ học tập cho học sinh: 130.000 đồng/học sinh/tháng. + Phần mềm học Online: 30.000 đồng/học sinh/tháng + Ứng dụng điện tử Enetviet: 135.000 đồng/học sinh/năm + Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm: Dự kiến mỗi năm 1 lần, mỗi học sinh không quá 600.000 đồng. + Tổ chức liên kết đào tạo Tin học theo chuẩn quốc tế: 180.000 đồng/tháng + Tiền tổ chức giáo dục STEM: 90.000 đồng/tháng/học sinh + Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: làm bánh, đi đường sách, bảo tàng...	14.400.774.375



Tên nguồn thu	Nội dung thu	Tổng thu				Nội dung, tỉ lệ chi theo QCCTNB	Tổng chi
		Mức thu	Số học sinh	Thời gian thu	Tổng cộng		
						Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác để đảm bảo các tiêu chí của trường tiên tiến hội nhập khu vực và quốc tế.	2.880.154.875
						Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng.	3.323.255.625
						Chi khác (chi học bổng, bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương đảm bảo các khoản chi thanh toán cá nhân và thu nhập khác, thực hiện chính sách miễn giảm học phí và các khoản chi phát sinh khác)	1.107.751.875
		Tổng cộng			22.155.037.500		22.155.037.500
4. Các khoản thu dịch vụ cho cá nhân học sinh	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	170.000	1.235	1 năm	209.950.000	2% đóng thuế TNDN	4.199.000
						Chi mua sắm các vật dụng cá nhân học sinh, mua sắm bổ sung, sửa chữa các thiết bị dụng cụ bán trú tại lớp. Trong trường hợp sau khi trừ chi phí, nếu sử dụng không hết số thu, số còn lại trích 40% CCTL theo Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 và trích lập các quỹ theo quy định.	205.751.000
		Tổng cộng			209.950.000		209.950.000
	Tiền học phẩm	55.000	1.512	1 năm	83.160.000	2% đóng thuế TNDN	1.663.200
						Mua học bạ, phù hiệu (6 cái), photo đề kiểm tra, bìa đựng bài kiểm tra, giấy thi...	81.496.800
		Tổng cộng			83.160.000		83.160.000
	Tiền suất ăn trưa bán trú	40.000	1.235	180 ngày	8.892.000.000	Trả tiền suất ăn trưa bán trú và ăn xế cho học sinh hàng ngày	8.892.000.000
		Tổng cộng			8.892.000.000		8.892.000.000
	Nước uống (nước Ion life)	20.000	1.511	8,5 tháng	256.870.000	Chi trả mua nước uống hiệu ionlife hàng ngày cho học sinh.	256.870.000
		Tổng cộng			256.870.000		256.870.000

Bình Tiên, ngày 01 tháng 10 năm 2025

Người lập bảng



Lê Thị Trang Nhung

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đăng Trung Hiếu